

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: 2708 /TT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 17 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ UBND
TỈNH GIA LAI

Số: 7378
ĐẾN Ngày: 18/11/2022
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII - Kỳ họp thứ Chín

Căn cứ Thông tư số 53 /2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII - Kỳ họp thứ Chín dự thảo Nghị Quyết ban hành Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi tắt là MTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Tại Điều 9. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn quy định: “Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ”.

- Tại khoản 2, Điều 10. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp quy định: “Chi hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư

vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ”.

- Tại Điều 12. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại quy định: “Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.

- Tại khoản 2, Điều 14. Chi phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn quy định: “Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Nội dung và mức hỗ trợ: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định nội dung và mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 20. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới quy định: “Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung chi cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc điều kiện thực tế về tài nguyên du lịch của từng địa phương theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Trung ương (đối với các nhiệm vụ do Trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.

- Tại khoản 1, Điều 39. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng” quy định: “*Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Mức hỗ trợ: Căn cứ theo các quy định hiện hành, quy định tại Điều 5 Thông tư này và nội dung mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với mô hình do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với mô hình do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao*”.

Triển khai thực hiện Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh) là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Văn bản được ban hành giúp quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm:

- Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn.

- Mức hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh.

- Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

- Nội dung và mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

- Mức hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền.

- Mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp.

2. Quan điểm xây dựng văn bản: Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Thông tư số 53/2022/TT-BTC, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản số 2593/VP-KTTH ngày 17/8/2022 và văn bản số 2172/UBND-NC ngày 26/9/2022 để chỉ đạo các sở, ngành và địa phương triển khai.

Thực hiện Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2172/UBND-NC ngày 26/9/2022 về việc tham mưu xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1, Điều 27 luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng các dự thảo và ban hành Văn bản số 4449/SNNPTNT-VPNTM ngày 26/10/2022 đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết trên trang Thông tin điện tử của tỉnh và đề nghị các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia ý kiến góp ý Dự thảo Nghị quyết.

Thực hiện Thông báo số 84/TB-HĐND ngày 08/11/2022 của Thường trực HĐND tỉnh về kết luận phiên họp Thường trực HĐND ngày 08/11/2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Công văn số 4642/SNNPTNT-VPNTM ngày 8/11/2022 đề nghị các sở, ngành, địa phương khẩn trương gửi văn bản góp ý dự thảo Nghị quyết về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thời gian đăng tải thực tế: Từ ngày 26/10/2022 đến ngày 09/11/2022 (15 ngày).

Đường link đăng tải: <https://gialai.gov.vn/pages/dong-gop-du-thao-van-ban.aspx?ItemID=207>

Ý kiến góp ý: Đã có 22 sở, ban, ngành và 14 huyện, thị xã, thành phố tham gia góp ý dự thảo bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sau khi tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản số

4664/SNNPTNT-VPNTM ngày 09/11/2022 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Tư pháp có văn bản số 1941/STP-NV1 ngày 11/11/2022 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức phiên họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để thảo luận, thống nhất trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Chín xem xét, quyết định Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Nghị quyết này gồm 9 Điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

a) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Gia Lai gồm:

- Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn.

- Mức hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh.

- Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

- Nội dung và mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

- Mức hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền.

- Mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp.

b) Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình.

c) Điều 3. Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn

Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 70%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện mô hình theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

d) Điều 4. Mức hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh

1. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng (lần đầu) cho các cá nhân, tổ chức nhưng không quá 5 triệu đồng/mã số. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ.

2. Hỗ trợ 01 lần tối đa 100% kinh phí tư vấn thiết lập và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh nằm trong vùng nguyên liệu (diện tích vùng nguyên liệu áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định về cấp mã số vùng trồng) nhưng không quá 45 triệu đồng/cơ sở.

e) Điều 5. Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

f) Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ điều tra, xây dựng dự án để duy trì các hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghề nhân hoạt động “trình diễn” tại các làng nghề đang bị mai một và có khả năng mất đi nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục vụ nhu cầu du lịch, văn hóa.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện nhưng không quá 250 triệu đồng/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

g) Điều 7. Mức hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

Hỗ trợ tối đa 60% kinh phí phát triển điểm du lịch và phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

h) Điều 8. Mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp

Hỗ trợ tối đa 80% kinh phí xây dựng các mô hình Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng” nhưng không quá 30 triệu đồng/mô hình.

i) Điều 9. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khoá XII, Kỳ họp thứ... thông qua ngày thángnăm 2022 và có hiệu lực từ ngày thángnăm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Trên đây là Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII - Kỳ họp thứ Chín xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết, văn bản thẩm định của Sở Tư pháp, Báo cáo thuyết minh các nội dung xây dựng Nghị quyết, Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến, các văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan).

Nơi nhận: H. a.

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT, Nông nghiệp & PTNT;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Kpã Thuyên



BÁO CÁO
THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT
(Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ
ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai)

Ủy ban nhân dân tỉnh Báo cáo thuyết minh cơ sở đề xuất các nội dung trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

I. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT CÁC MỨC HỖ TRỢ

1. Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn

a) Nội dung dự thảo đề xuất

Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 70%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện mô hình theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Mục đích

Hỗ trợ các xã thực hiện đạt chuẩn Chỉ tiêu số 17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp quy định trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

c) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

- Ngân sách Trung ương trợ tối 70%: Tại Điều Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 quy định: “Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”. Gia Lai là tỉnh miền núi, nên tất cả các huyện, thị xã, thành phố đều là miền núi. Do đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất mức hỗ trợ ngân sách Trung ương là trợ tối 70%.

- Ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) trợ tối 10%: Đời sống của các hộ dân cư trên địa bàn tỉnh khu vực

nông thôn còn khó khăn, khả năng đóng góp 30% kinh phí để thực hiện nội dung là rất khó. Vì vậy, để hỗ trợ thêm cho các đối tượng, Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) từ nguồn vốn đối ứng thực hiện Chương trình hỗ trợ trợ tối 10%.

- Quy định tỷ lệ hỗ trợ theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao không quy định cụ thể mức hỗ trợ: Các mô hình có quy mô khác nhau thì tổng kinh phí thực hiện khác nhau nên không thể xác định được tổng kinh phí thực hiện mô hình.

2. Mức hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh

a) Nội dung dự thảo đề xuất

1. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng (lần đầu) cho các cá nhân, tổ chức nhưng không quá 5 triệu đồng/mã số. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ.

2. Hỗ trợ 01 lần tối đa 100% kinh phí tư vấn thiết lập và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh nằm trong vùng nguyên liệu (diện tích vùng nguyên liệu áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định về cấp mã số vùng trồng) nhưng không quá 45 triệu đồng/cơ sở.

b) Mục đích:

Hỗ trợ các xã thực hiện đạt chuẩn các chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu 13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

- Chỉ tiêu 13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

- Chỉ tiêu 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

c) Cơ sở đề xuất:

Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định: “Chi hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh”. Vì vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất mức hỗ trợ cho 02 nội dung là chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức và hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

- Mức hỗ trợ tối đa 100%: Tại khoản 2, Điều 10, Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định: “*Chi hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức*”. Vì vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là tối đa 100%.

- Đối với nội dung chi hỗ trợ gắn mã số vùng trồng (lần đầu): Vùng trồng phải được kiểm tra và cấp mã số lần đầu trước thời điểm thu hoạch theo yêu cầu của nước nhập khẩu. Trước mỗi vụ thu hoạch, phải thực hiện đăng ký cấp mã số vùng trồng lại, nếu không mã số sẽ bị thu hồi. Vì vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đề xuất hỗ trợ kinh phí để gắn mã số vùng trồng lần đầu để xác định đối tượng hỗ trợ.

- Đối với nội dung “*Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ*”: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất theo nhu quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

- Đối với nội dung “*Hỗ trợ 01 lần tối đa 100% kinh phí tư vấn thiết lập và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh nằm trong vùng nguyên liệu (diện tích vùng nguyên liệu áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định về cấp mã số vùng trồng)*”:

Tại điểm đ, khoản 2, Điều 10 của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/07/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 quy định “*Hỗ trợ các dịch vụ công trong vùng nguyên liệu như: cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; xác nhận, chứng nhận các tiêu chuẩn, hợp chuẩn chất lượng, tem nhãn sản phẩm đặc thù (OCOP, sinh thái, hữu cơ...) cho sản phẩm nông nghiệp; Cung cấp thông tin thời tiết và thông tin thị trường, thương mại;*”. Theo đó, đối tượng được hỗ trợ gắn mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc đều nằm trong vùng nguyên liệu.

Tại khoản 2, phần II, mục 2, Chương I, Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 hướng dẫn: “*Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương:*a) Có sản phẩm nông sản chủ lực của xã được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm. b) Có sản phẩm nông sản chủ lực của xã được sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất tốt hoặc tiêu chuẩn

chất lượng có chứng nhận được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận, còn hiệu lực”.

Tại khoản 3, phần II, mục 2, chương II của Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP hướng dẫn: “Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã được xác định là có tối thiểu 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm”.

Tại khoản 5, phần II, mục 2, chương II của Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP hướng dẫn: “Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng được xác định như sau: Có sản phẩm nông sản chủ lực của xã thuộc vùng nguyên liệu tập trung được cấp mã vùng”.

Vì vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh được hỗ trợ kinh phí thiết lập và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc phải nằm trong vùng nguyên liệu (diện tích vùng nguyên liệu áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định về cấp mã số vùng trồng).

- Kinh phí hỗ trợ:

Lý do đề xuất mức hỗ trợ tối đa, không đề xuất mức hỗ trợ cụ thể: Các vùng trồng có diện tích khác nhau, kinh phí để thực hiện các công việc khác nhau và mức giá để thực hiện cũng thay đổi nên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ quy định mức tối đa, không quy định cụ thể.

+ Gắn mã số vùng trồng không quá 5 triệu đồng/mã số: Theo tham khảo các tỉnh và dự kiến các khoản kinh phí để thực hiện gắn mã vùng trồng như: Đo tọa độ diện tích vùng trồng, Đánh giá tình hình sinh trưởng, năng suất, sản lượng của vùng trồng; Đánh giá tình hình sinh vật gây hại trên vùng trồng; Tổng hợp, theo dõi, viết nhật ký vùng trồng; Nộp hồ sơ vùng trồng; văn phòng phẩm (có dự toán chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo).

+ Truy xuất nguồn gốc không quá 45 triệu đồng/cơ sở: Theo tham khảo các tỉnh và dự toán báo giá thấp nhất của các đơn vị tư vấn, thực hiện trên địa bàn tỉnh (có dự toán chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo).

3. Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

a) Nội dung dự thảo đề xuất:

Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Mục đích:

Hỗ trợ các xã thực hiện đạt chuẩn chỉ tiêu Chi tiêu 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

c) Căn cứ đề xuất:

- Ngân sách Trung ương tối đa 50%: Tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định *“Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”*.

- Ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) tối đa 10%: Để hỗ trợ thêm cho các đối tượng, Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) từ nguồn vốn đối ứng thực hiện Chương trình hỗ trợ tối đa 10%.

- Quy định tỷ lệ hỗ trợ theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao không quy định cụ thể mức hỗ trợ:

Tại khoản 2, phần II, mục 2, chương II của Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP hướng dẫn thực hiện các mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực (trồng trọt; chăn nuôi; lâm nghiệp; thủy sản; chế biến, bảo quản; cơ điện, tự động hóa, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị) và các mô hình cơ giới hóa theo từng loại mô hình sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản). Theo đó, các mô hình trong từng lĩnh vực có quy mô, nội dung hỗ trợ khác nhau nên kinh phí thực hiện mô hình khác nhau, không thể đề xuất mức hỗ trợ cụ thể.

4. Nội dung và mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn**a) Nội dung dự thảo đề xuất:**

Hỗ trợ bảo tồn các làng nghề đang bị mai một và có khả năng mất đi: Hỗ trợ điều tra, xây dựng dự án để duy trì các hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghề nhân hoạt động “trình diễn” nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục vụ nhu cầu du lịch, văn hóa.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện nhưng không quá 250 triệu đồng/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mục đích:

Hỗ trợ các xã thực hiện đạt chuẩn Chỉ tiêu 13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

c) Căn cứ đề xuất:

Khoản 2, Điều 14, Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định: “*Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*”.

Các nội dung hỗ trợ phát triển làng nghề theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam trên địa bàn tỉnh đã có Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh Gia Lai quy định. Riêng nội dung bảo tồn các làng nghề truyền thống (quy định tại điểm b, khoản 3, mục IV của Quyết định số 801/QĐ-TTg) chưa có quy định nên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất quy định trong Nghị quyết.

Tại điểm b, khoản 2, Điều 12 của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT quy định: “*Đối với những làng nghề đang trong quá trình mai một và có khả năng mất đi: Hỗ trợ thực hiện công tác bảo tồn; tiến hành điều tra, xác định và xây dựng dự án để duy trì các hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghề nhân hoạt động “trình diễn” nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục yêu cầu du lịch, văn hóa*”.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện nhưng không quá 250 triệu đồng/dự án:

Tại khoản 1, điều 5 của Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND quy định mức hỗ trợ các dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ ngân sách địa phương như kinh phí mua nguyên liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất là 50% nhưng không quá 250 triệu đồng/dự án. Theo đó, các nội dung cần hỗ trợ trong dự án bảo tồn làng nghề cũng tương tự như hỗ trợ phát triển làng nghề.

Vì vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã sử dụng mức hỗ trợ tại khoản 1, điều 5 Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND để đề xuất mức hỗ trợ cho nội dung này.

5. Mức hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

a) Nội dung dự thảo đề xuất:

Hỗ trợ tối đa 60% kinh phí phát triển điểm du lịch và phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Mục đích:

Để hỗ trợ địa phương phát triển các điểm du lịch nông thôn và các sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền góp phần phát triển kinh tế

địa phương, nâng cao thu nhập người dân, bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan, bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.

Đề hỗ trợ, phát triển các sản phẩm OCOP du lịch trên địa bàn tỉnh.

c) Căn cứ đề xuất:

Tại điểm a, khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 quy định nguồn vốn thực hiện Chương trình gồm vốn ngân sách trung ương của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, vốn ngân sách địa phương, vốn xã hội hóa, vốn lồng ghép các chương trình, dự án khác, vốn huy động hợp pháp khác.

Tại Điều 16 của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT hướng dẫn triển khai thực hiện Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 chưa hướng dẫn cụ thể các nội dung chi được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Do đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa có cơ sở để quy định nội dung chi cụ thể. Vì vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất vào dự thảo Nghị quyết tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 60% theo hình thức dự án được phê duyệt sau khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Về mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước 60%: Đề xuất bằng với mức hỗ trợ các dự án cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

6. Mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp

a) Nội dung dự thảo đề xuất:

Hỗ trợ tối đa 80% kinh phí xây dựng các mô hình nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng” nhưng không quá 30 triệu đồng/mô hình.

b) Mục đích:

Góp phần đạt chuẩn Chỉ tiêu 18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

c) Căn cứ đề xuất:

- Mức hỗ trợ ngân sách nhà nước 80%: Đề xuất bằng với mức hỗ trợ quy định tại Điều 9 của Thông tư số 53/2022/TT-BTC, đây là mức Trung ương áp dụng cho nhiều nội dung chi.

Tại mục 2.3 phần II của Hướng dẫn số 466-HD/HNDTW ngày 3/6/2022 của Hội Nông dân Trung ương hướng dẫn các nội dung tổ chức các hoạt động

hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

- Lý do đề xuất mức hỗ trợ tối đa, không đề xuất mức hỗ trợ cụ thể:

Quy mô của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp khác nhau nên kinh phí để hỗ trợ các hoạt động xây dựng các mô hình như tuyên truyền, tập huấn, ra mắt mô hình ... cũng khác nhau, nên không thể quy định mức hỗ trợ cụ thể.

- Về mức hỗ trợ 30 triệu đồng/mô hình: Các nội dung hỗ trợ xây dựng mô hình Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp; Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam đều áp dụng chung mức hỗ trợ. Trong đó, tại khoản 4 Điều 42 Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/ mô hình. Vì vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất quy định mức hỗ trợ tối đa thực hiện các mô hình là 30 triệu đồng/mô hình.

7. Lý do đề xuất mức hỗ trợ tối đa, không đề xuất mức hỗ trợ cụ thể:

- Các dự án triển khai thực hiện các nội dung trên có quy mô khác nhau nên không xác định được giới hạn tối đa mức kinh phí để thực hiện dự án. Tuy nhiên, nguồn kinh phí ngân sách Trung ương và địa phương để triển khai thực hiện là có giới hạn và phân bổ theo từng năm. Do đó, hàng năm, trên cơ sở dự án đề xuất của địa phương và mức tổng ngân sách Trung ương và địa phương hỗ trợ thực hiện Chương trình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ cùng với các sở, ngành, địa phương thống nhất đề xuất UBND tỉnh mức hỗ trợ cụ thể cho từng dự án trong phạm vi dự toán được giao.

II. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách Trung ương:

Từ nguồn vốn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

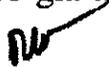
Dự kiến giai đoạn 2021-2025, Trung ương phân bổ cho Gia Lai 235.160 triệu đồng. Trong đó, năm 2021 và năm 2022 đã phân bổ 111.360 triệu đồng. Giai đoạn 2023-2025 còn lại 123.800 triệu đồng để thực hiện các nội dung hỗ trợ của Chương trình.

2. Ngân sách địa phương:

Tại điểm b, khoản 2, Điều 8 của Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg quy định: *“Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 60% đến dưới 80%: Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh (tỷ lệ đối ứng tối thiểu: 1:1).*

Dự kiến giai đoạn 2021-2025, Trung ương phân bổ cho Gia Lai 235.160 triệu đồng. Trong đó, năm 2021 và năm 2022 đã phân bổ 111.360 triệu đồng; giai đoạn 2023-2025 còn lại 123.800 triệu đồng. Như vậy, giai đoạn 2023-2025, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) phải bố trí để đối ứng thực hiện Chương trình tối thiểu là 123.800 triệu đồng để thực hiện các nội dung hỗ trợ của Chương trình.

Hàng năm, căn cứ kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, căn cứ tình hình bố trí ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) đối ứng thực hiện Chương trình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện.

Trên đây là báo cáo thuyết minh các nội dung đề xuất dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai./. 

Phụ lục 01
Dự toán kinh phí hỗ trợ gắn mã số vùng trồng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tmiền
1	Công đi đánh giá chọn vườn để thiết lập vùng trồng	Công	4	200.000	800.000
2	Hợp dân	Công	2	200.000	400.000
3	Đo tọa độ diện tích vùng trồng	Công	3	200.000	600.000
4	Đánh giá tình hình sinh trưởng, năng suất, sản lượng của vùng trồng	Công	4	200.000	800.000
5	Đánh giá tình hình sinh vật gây hại trên vùng trồng	Công	5	200.000	1.000.000
6	Tổng hợp, theo dõi, viết nhật ký vùng trồng	Công	3	200.000	600.000
7	Nộp hồ sơ vùng trồng	Công	2	200.000	400.000
8	Vấn phòng phẩm (phô tô, đánh máy, giấy, bút, sổ sách, ...)				400.000
Tổng cộng					5.000.000

Ghi chú: Số tiền công thanh toán theo mức khoán là 200.000 đồng/ngày

Phụ lục 02

Dự toán kinh phí hỗ trợ thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 01 cơ sở: khảo sát quy trình sản xuất, sơ chế, phân phối; Xây dựng quy trình truy xuất nguồn gốc ...	1	20.000.000	20.000.000
2	Hướng dẫn cơ sở áp dụng, vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử: Hướng dẫn triển khai, đào tạo chuyên gia (trực tiếp); phí sử dụng hệ thống; thiết kế tem truy xuất nguồn gốc ...	1	25.000.000	25.000.000
Tổng cộng				45.000.000

Ghi chú: Đơn giá được căn cứ vào báo giá thấp nhất của các đơn vị tư vấn đăng triển khai trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO 5

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

KHÓA XII KỲ HỌP THỨ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 53 /2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn
ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân
dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự
nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây
dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo
thẩm tra của; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm:

1. Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn.

2. Mức hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh.

3. Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

4. Nội dung và mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

5. Mức hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền.

6. Mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình.

Điều 3. Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn

Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 70%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện mô hình theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 4. Mức hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh

1. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng (lần đầu) cho các cá nhân, tổ chức nhưng không quá 5 triệu đồng/mã số. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ.

2. Hỗ trợ 01 lần tối đa 100% kinh phí tư vấn thiết lập và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh nằm trong vùng nguyên liệu (diện tích vùng nguyên liệu áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định về cấp mã số vùng trồng) nhưng không quá 45 triệu đồng/cơ sở.

Điều 5. Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ điều tra, xây dựng dự án để duy trì các hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghề nhân hoạt động “trình diễn” tại các làng nghề đang bị mai một và có khả năng mất đi nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục vụ nhu cầu du lịch, văn hóa.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện nhưng không quá 250 triệu đồng/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Mức hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

Hỗ trợ tối đa 60% kinh phí phát triển điểm du lịch và phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 8. Mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp

Hỗ trợ tối đa 80% kinh phí xây dựng các mô hình nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng” nhưng không quá 30 triệu đồng/mô hình.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khoá XII, Kỳ họp thứ... thông qua ngày thángnăm 2022 và có hiệu lực từ ngày thángnăm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy; Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT-TH.

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1952/STP-NV1

Gia Lai, ngày 12 tháng 11 năm 2022

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 4701/SNNPTNT-VPNTM ngày 11/11/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về đề nghị thẩm định hồ sơ ban hành Nghị quyết.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết là dự thảo văn bản) và các tài liệu khác kèm theo Văn bản số 4701/SNNPTNT-VPNTM, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thống nhất phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước; khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; khoản 3 Điều 50 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước; khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP; khoản 3 Điều 50 Thông tư số 53/2022/TT-BTC, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

3. Nội dung dự thảo văn bản

a) Tại Điều 3

- Tại khoản 1

+ Nhằm đảm bảo tính thống nhất, đề nghị chỉnh sửa nội dung “Tập huấn” thành “**Chi tập huấn**...”.

Tương tự tại khoản 5, đề nghị chỉnh sửa “Phân tích đánh giá chất lượng...” thành “**Chi phân tích, đánh giá chất lượng**”.

+ Nhằm đảm bảo nội dung được cụ thể, đề nghị sửa nội dung “...Thực hiện theo Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai...” thành “...Thực hiện theo quy định tại ... Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai...”.

Theo đó, tại dấu ba chấm (...), đề nghị xác định cụ thể điều, khoản, điểm của Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai quy định nội dung cần viện dẫn.

Tương tự tại khoản 4, đề nghị chỉnh sửa “Thực hiện theo Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND” thành “Thực hiện theo quy định tại ... Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND”.

+ Nhằm đảm bảo tính chính xác, đề nghị chỉnh sửa “...Nghị quyết số 124/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi một số quy định của...” thành “...Nghị quyết số 124/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh **Gia Lai** sửa đổi một số quy định của...”.

- Tại khoản 3, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “mỗi phiếu tính cho 20 hộ gia đình” đảm bảo tính rõ ràng.

b) Tại điểm d khoản 2 Điều 4, đề nghị chỉnh sửa nội dung “điểm b, khoản 3, Điều 1 của Quyết định số 919/QĐ-TTg” thành “điểm b khoản 3 Điều 1 Quyết định số 919/QĐ-TTg” nhằm đảm bảo tính chính xác.

c) Tại Điều 6

Tại nội dung “Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khoá XII, Kỳ họp thứ... thông qua ngày thángnăm 2022 và có hiệu lực từ ngày thángnăm

2022”, nhằm khắc phục những khó khăn, lúng túng trong việc áp dụng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung liên quan đến giai đoạn thực hiện sau thời điểm kết thúc giai đoạn thực hiện trong thời gian qua, đề nghị bổ sung **ngày tháng năm hết hiệu lực thi hành** của Nghị quyết đảm bảo phù hợp với khoản 4 Mục II Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025¹.

d) Đề nghị thống nhất trong việc sử dụng từ ngữ: “*Chương trình Mục tiêu quốc gia*”, “*Chương trình mục tiêu quốc gia*”.

đ) Tại phần nơi nhận

- Sửa “Ủy ban nhân dân” thành “Ủy ban nhân dân tỉnh”

- Sửa “*Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;*” thành “*Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;*”

- Sửa “*Lãnh đạo và Chuyên viên phòng Tổng hợp;*” đảm bảo chính xác.

III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI CÁC CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐƯỢC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA

Nội dung dự thảo văn bản phù hợp với các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 về việc thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản như:

1. Chỉnh sửa thống nhất kiểu chữ (tại đoạn cuối cùng của dự thảo văn bản).

2. Chỉnh sửa một số lỗi chính tả, lỗi viết hoa từ ngữ tại dự thảo văn bản, như: “*Luật ngân sách nhà nước*”, “*Luật sửa đổi, bổ sung*”, bổ sung dấu chấm (.) tại cuối nội dung điểm d khoản 2 Điều 4, lỗi dính chữ “...năm 2018 của...”; “... Khóa XII, Kỳ họp thứ...”, ...

¹ Thời gian thực hiện: Đến hết năm 2025.

V. VẤN ĐỀ KHÁC

1. Tại hồ sơ dự thảo văn bản **chưa thông tin kết quả** tham gia góp ý của các cá nhân, tổ chức đối với dự thảo văn bản được đăng tải lên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Đề nghị, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thông tin đầy đủ, cụ thể về kết quả đăng tải toàn văn dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử tỉnh (**thông tin cụ thể về thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc đăng tải thực tế, đường link đăng tải, số ý kiến góp ý nhận được từ các cá nhân, tổ chức**).

2. Chỉnh sửa dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo thống nhất với nội dung của dự thảo văn bản.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản. Dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nghiên cứu các ý kiến tại Văn bản này; chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản; giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV1.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Ngọc Lam

UBND TỈNH GIA LAI
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**
Số: 243 /TTr-SNNPTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 11 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết Quy định một số nội dung nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Thực hiện Chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3510/VP-NL ngày 28/10/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

Thực hiện Công văn số 2600/UBND-KTTH ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh về việc khẩn trương hoàn chỉnh các nội dung trình Kỳ họp thứ Chín, HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Sau khi tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1941/STP-NV1 ngày 11/11/2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật trình Kỳ họp thứ Chín, HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

I. Tên dự thảo Nghị quyết:

Nghị quyết Quy định một số nội dung nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi tắt là MTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Tại Điều 9. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn quy định: *“Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ”*.

- Tại khoản 2, Điều 10. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp quy định: *“Chi hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ”*.

- Tại Điều 12. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại quy định: *“Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”*.

- Tại khoản 2, Điều 14. Chi phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn quy định: *“Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*.

Nội dung và mức hỗ trợ: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết

định nội dung và mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 20. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới quy định: *“Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung chi cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc điều kiện thực tế về tài nguyên du lịch của từng địa phương theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Trung ương (đối với các nhiệm vụ do Trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.*

- Tại khoản 1, Điều 39. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng” quy định: *“Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Mức hỗ trợ: Căn cứ theo các quy định hiện hành, quy định tại Điều 5 Thông tư này và nội dung mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với mô hình do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với mô hình do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.*

Triển khai thực hiện Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh) là cần thiết và đúng thẩm quyền.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng các dự thảo và ban hành Văn bản số 4449/SNNPTNT-VPNTM ngày 26/10/2022 đề nghị

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết trên trang Thông tin điện tử của tỉnh từ ngày 26/10/2022 đến ngày 26/11/2022 và đề nghị các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia ý kiến góp ý Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Thông báo số 84/TB-HĐND ngày 08/11/2022 của Thường trực HĐND tỉnh về kết luận phiên họp Thường trực HĐND ngày 08/11/2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Công văn số 4642/SNNPTNT-VPNTM ngày 8/11/2022 đề nghị các sở, ngành, địa phương khẩn trương gửi văn bản góp ý dự thảo Nghị quyết về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sau khi tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản số 4664/SNNPTNT-VPNTM ngày 09/11/2022 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Tư pháp (tại Văn bản số 1941/STP-NV1), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng hợp, hoàn chỉnh lại hồ sơ dự thảo Nghị quyết HĐND nêu trên.

IV. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH

1. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết.
2. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.
3. Dự thảo Báo cáo của UBND tỉnh thuyết minh các nội dung xây dựng Nghị quyết.
4. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, bản chụp ý kiến góp.
5. Văn bản số 1941/STP-NV1 ngày 11/11/2022 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình UBND tỉnh xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND tỉnh (b/c);
- Đ/c Kpã Thuyên - PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lãnh đạo VPĐP NTM tỉnh;
- Lưu: VT, VPNTM.



Đoàn Ngọc Có

BÁO CÁO

Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến về đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Thông tư số 53 /2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết quyết Quy định một số nội dung nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Thực hiện Chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3510/VP-NL ngày 28/10/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

Thực hiện Công văn số 2600/UBND-KTTH ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh về việc khẩn trương hoàn chỉnh các nội dung trình Kỳ họp thứ Chín, HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Sau khi tổ chức lấy ý kiến của các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Tại Điều 9. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn quy định: *“Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá*

70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ”.

- Tại khoản 2, Điều 10. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp quy định: “Chi hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ”.

- Tại Điều 12. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại quy định: “Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.

- Tại khoản 2, Điều 14. Chi phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn quy định: “Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Nội dung và mức hỗ trợ: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định nội dung và mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 20. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới quy định: “Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung chi cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển

du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc điều kiện thực tế về tài nguyên du lịch của từng địa phương theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Trung ương (đối với các nhiệm vụ do Trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.

- Tại khoản 1, Điều 39. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng” quy định: “*Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Mức hỗ trợ: Căn cứ theo các quy định hiện hành, quy định tại Điều 5 Thông tư này và nội dung mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với mô hình do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với mô hình do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.*

Triển khai thực hiện Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh) là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. Nội dung chính của Nghị quyết

1. Bố cục: Nghị quyết này gồm 9 Điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2. Đối tượng áp dụng.
- Điều 3: Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn.
- Điều 4. Mức hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh.
- Điều 5. Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

- Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

- Điều 7. Mức hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền.

- Điều 8. Mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp.

- Điều 9. Điều khoản thi hành.

III. Ý kiến tham gia của các Sở, ban, ngành và địa phương

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức đăng tải thông tin và lấy ý kiến tại Công văn số 4449/SNNPTNT-VPNTM ngày 26/10/2022 và Công văn số 4642/SNNPTNT-VPNTM ngày 8/11/2022 .

Đã có 23/31 sở, ban, ngành và 14/17 huyện, thị xã, thành phố tham gia góp ý bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Hầu hết các Sở, ngành và địa phương đều thống nhất với nội dung các dự thảo đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến của một số cơ quan như sau:

1. Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Cơ bản tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư

b) Đối với nội dung “*Tại Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định cơ quan có trách nhiệm hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án “hỗ trợ chi phí gấn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh; hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn”; nhằm đảm bảo triển khai đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết*”:

Giải trình:

Theo ý kiến của Sở Tư pháp, nội dung này không cần thiết nên bỏ. Sau khi Nghị quyết được thông qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tiếp thu vào văn bản tham mưu UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các đơn vị.

2. Ý kiến của Sở Tài chính

Tại khoản 5 Điều 9 Chương III của Dự thảo Nghị quyết có ghi: “*Trách nhiệm của Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thẩm định và tổng hợp kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình hàng năm trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.*”

Đề nghị sửa lại như sau: “Trách nhiệm của Sở Tài chính: Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Sở Tài chính kiểm tra, tổng hợp tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm”:

Giải trình:

Theo ý kiến của Sở Tư pháp, nội dung này không cần thiết nên bỏ. Sau khi Nghị quyết được thông qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tiếp thu vào văn bản tham mưu UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các đơn vị.

3. Ý kiến của Sở Tư pháp

Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp.

4. Ý kiến của thị xã Ayun Pa

Đối với nội dung: “*Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 70%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện mô hình theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Theo Nghị quyết 21/2022/NQ-HĐND ngày 8/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai: Các xã thuộc Đối tượng 3: Các xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10% dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì nội dung Công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải mức hỗ trợ: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 70%, và ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) hỗ trợ 20%. Vậy UBND thị xã đề xuất mức hỗ trợ ngân sách địa phương về nội dung hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn là 20%*”:

Giải trình:

Nội dung quy định trong Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND để quy định mức hỗ trợ đối với vốn ĐTPT để triển khai thực hiện các công trình đầu tư trên địa bàn xã, có quy mô lớn và phục vụ cộng đồng nên đề xuất tỷ lệ huy động đóng góp của nhân dân là 10%.

Còn mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết là hỗ trợ từ vốn sự nghiệp, quy mô nhỏ cấp hộ gia đình, cấp thôn mang tính chất riêng lẻ. Mức hỗ trợ 80% cho các hộ là hợp lý, chủ thể hộ gia đình được hỗ trợ phải bỏ ra kinh phí đối ứng 20%.

Vì vậy không thể áp dụng chung mức hỗ trợ như quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND.

5. Ý kiến của huyện Chư Prông

Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng tại Điều 2 “các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ chương trình.

Giải trình:

Tại khoản 2, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết đã quy định các đối tượng áp dụng là “*Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình*” đã bao gồm tất cả các đối tượng địa phương nêu trên, nên không cần liệt kê chi tiết vào dự thảo Nghị quyết.

6. Ý kiến huyện Ia Grai

Tại Điều 5. Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại: “Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”. Đề nghị điều chỉnh: “Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 20% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”. Lý do: Hiện nay, các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại trên địa bàn huyện còn ít và quy mô nhỏ; vốn đầu tư các dự án cao nên người dân chưa mạnh dạn triển khai thực hiện. Do vậy, nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia dự án và mở rộng quy mô thực hiện, đề nghị tăng mức hỗ trợ ngân sách địa phương lên 20%.

Giải trình:

Tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định “*Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt*”. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất ngân sách địa phương hỗ trợ thêm 10% nữa là 60% tổng kinh phí thực hiện dự án.

Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương 10% để hỗ trợ thực hiện các dự án đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào mức đối ứng bình quân của ngân sách tỉnh thực hiện các Chương trình MTQG và được đa số các đại phương đồng ý.

Bên cạnh đó, các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ để thực hiện các dự án cơ giới hóa, công nghệ cao cũng cần phải có tiềm lực kinh tế cơ bản để đầu tư kinh phí thực hiện mô hình mới đảm bảo hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

7. Ý kiến huyện Mang Yang

a) Đối với nội dung:

“Điều 3. Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn.

Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 70%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện mô hình theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Xin góp ý: Ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 20% kinh phí thực hiện mô hình theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao đối với các xã đặc biệt khó khăn, các xã còn lại 10%”:

Giải trình:

Tại khoản 1 điều 5 của Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg quy định tiêu chí, hệ số phân bổ cho ngân sách Trung ương giai đoạn 2022-2025 quy định số xã được phân bổ kinh phí tính đến cuối năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn. Theo đó, các xã đặc biệt khó khăn không nằm trong phạm vi hỗ trợ của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 nên không cần quy định riêng mức hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn.

b) Đối với nội dung:

“Điều 5. Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Đề nghị điều chỉnh: Ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 30% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao cho các xã đặc biệt khó khăn, các xã còn lại hỗ trợ tối đa 20%. Vì các xã vùng III hiện nay rất khó khăn”:

Giải trình:

Tại khoản 1 điều 5 của Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg quy định tiêu chí, hệ số phân bổ cho ngân sách Trung ương giai đoạn 2022-2025 quy định số xã được phân bổ kinh phí tính đến cuối năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn. Theo đó, các xã đặc biệt khó khăn không nằm trong phạm vi hỗ trợ của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 nên không cần quy định riêng mức hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn.

Tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định “*Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt*”. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất ngân sách địa phương hỗ trợ thêm 10% nữa là 60% tổng kinh phí thực hiện dự án.

Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương 10% để hỗ trợ thực hiện các dự án đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào mức đối ứng bình quân của ngân sách tỉnh thực hiện các Chương trình MTQG và được đa số các đại phương đồng ý.

Bên cạnh đó, các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ để thực hiện các dự án cơ giới hóa, công nghệ cao cũng cần phải có tiềm lực kinh tế cơ bản để đầu tư kinh phí thực hiện mô hình mới đảm bảo hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

IV. Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

(Kèm theo báo cáo này biểu tổng hợp ý kiến và văn bản tham gia góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương)

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến về đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai./.

Phụ lục

Tổng hợp các ý kiến góp ý vào dự thảo đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
I	Các sở, ban, ngành của tỉnh: Có 31 sở, ban, ngành được gửi văn bản lấy ý kiến		
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 3630/SKHĐT-QLN ngày 04/11/2022)	<p>Dự thảo quy định “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng” và “Điều 2. Đối tượng áp dụng”. Đề nghị bỏ cụm từ “đối tượng áp dụng” tại Điều 1</p> <p>Về bố cục văn bản: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bố cục trình bày đảm bảo phù hợp với Khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Tại Điều 4: Khoản 1 và khoản 2 đều có quy định về “Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tư vấn gắn mã vùng trồng (lần đầu) nhưng không quá 5 triệu đồng/mã số”. Đề nghị rà soát lại để tránh trùng lặp nội dung.</p> <p>Về mức hỗ trợ: đối với các nội dung chi trong dự thảo được quy định cụ thể mức hỗ trợ như: hỗ trợ “không quá 5 triệu đồng/mã số vùng trồng” và hỗ trợ truy xuất nguồn gốc sản phẩm “không quá 45 triệu đồng/cơ sở” tại Điều 4 dự thảo; hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống “không quá 250 triệu đồng/dự án” tại Điều 6 dự thảo...</p> <p>Để đảm bảo mức hỗ trợ phù hợp với tình hình thực tế, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm dự toán sơ bộ các nội dung chi thuộc các nội dung nêu trên; làm cơ sở để UBND tỉnh giải trình các mức hỗ trợ với HĐND tỉnh.</p> <p>Tại Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định cơ</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý</p> <p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý</p> <p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý</p> <p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý</p> <p>Theo ý kiến của Sở Tư pháp, nội dung này không cần thiết nên bỏ. Sau khi Nghị quyết được thông qua, Sở</p>

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		quan có trách nhiệm hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án “hỗ trợ chi phí gián mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh; hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn”; nhằm đảm bảo triển khai đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết.	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tiếp thu vào văn bản tham mưu UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các đơn vị
2	Sở Tài chính (Công văn số 3469/STC-QLNS ngày 01/11/2022)	<p>Tại khoản 5 Điều 9 Chương III của Dự thảo Nghị quyết có ghi: “Trách nhiệm của Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thẩm định và tổng hợp kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình hàng năm trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.”</p> <p>Đề nghị sửa lại như sau: “Trách nhiệm của Sở Tài chính: Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Sở Tài chính kiểm tra, tổng hợp tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm”</p>	Theo ý kiến của Sở Tư pháp, nội dung này không cần thiết nên bỏ. Sau khi Nghị quyết được thông qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tiếp thu vào văn bản tham mưu UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các đơn vị
3	Sở Tư Pháp (Công văn số 1889/STP-NV1 ngày 01/11/2022)		
		Đối với dự thảo Nghị quyết:	
		Tại tên gọi của văn bản, đề nghị sửa cụm từ viết tắt “MTQG” thành “mục tiêu quốc gia” nhằm bảo đảm sử dụng từ ngữ chính xác, rõ ràng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý
		Tại phần căn cứ ban hành văn bản - Tại căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC, đề nghị bỏ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<p>sung từ “<i>Bộ trưởng</i>” trước “<i>Bộ Tài chính</i>” nhằm trình bày chính xác người ban hành văn bản.</p> <p>- Tại dòng cuối cùng, đề nghị sửa như sau: “<i>Xét Tờ trình số .../Tr-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của ...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.</i>” nhằm đảm bảo nội dung được chính xác, thống nhất.</p> <p>c) Đề nghị bỏ các nội dung: “<i>Chương 1. Quy định chung</i>”, “<i>Chương 2. Quy định cụ thể</i>”, “<i>Chương III. Tổ chức thực hiện</i>”, “<i>Chương IV. Điều khoản thi hành</i>”, vì không cần thiết.</p>	
		<p>Tại Điều 1</p> <p>- Nhằm bảo đảm sử dụng từ ngữ thống nhất, đề nghị thay nội dung “<i>từ nguồn vốn sự nghiệp</i>” bằng nội dung “<i>kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước</i>”.</p> <p>- Nhằm bảo đảm nội dung được ngắn gọn, rõ ràng, đề nghị sửa nội dung “<i>để triển khai thực hiện các nội dung chi sau</i>” bằng từ “<i>gồm</i>”.</p> <p>- Tại gạch đầu dòng thứ 6, đề nghị bỏ sung từ “<i>hội</i>” sau từ “<i>Chi</i>” nhằm bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 39 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.</p> <p>Tương tự, đề nghị chỉnh sửa tại tên Điều 8.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý</p>
		<p>Đối với nội dung về “<i>Mức hỗ trợ chi phí gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh</i>”</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý</p>

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<p>Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định:</p> <p><u>“2. Chi hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.”</u></p> <p>Đề nghị xây dựng mức hỗ trợ tương ứng với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2022/TT-BTC đồng thời bảo đảm đầy đủ nội dung, cụ thể: Chính sửa nội dung <u>“Mức hỗ trợ chi phí gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh”</u> tại Điều 1; Điều 4.</p>	
		<p>Tại Điều 6</p> <p>Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định:</p> <p><u>“2. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</u></p> <p>Nội dung và mức hỗ trợ: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý</p>

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<p>phương thực hiện) quyết định nội dung và mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.”</p> <p>Căn cứ quy định nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh được giao thẩm quyền quy định nội dung và mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn (không được giao thẩm quyền quy định nội dung và mức hỗ trợ đối với nghề truyền thống).</p> <p>Tại dự thảo Báo cáo thuyết minh các nội dung xây dựng nghị quyết có nội dung: “<i>Riêng nội dung bảo tồn các nghề truyền thống (vì hiện nay trên địa bàn tỉnh Gia Lai chưa hình thành được làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định) đang bị mai một và có khả năng mất đi (quy định tại điểm b, khoản 3, mục IV của Quyết định số 801/QĐ-TTg) chưa có quy định nên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất quy định trong Nghị quyết</i>”.</p> <p>Đề nghị nghiên cứu lại việc xây dựng nội dung tại Điều 6 bảo đảm phù hợp với nội dung được giao tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 53/2022/TT-BTC (Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn) đồng thời bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.</p>	
		<p>Tại Điều 7, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 20 Thông tư số 53/2022/TT-BTC, đề nghị làm rõ nội dung về quy định mức hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền; xây dựng nội dung bảo đảm đầy đủ</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý.</p>
		<p>Đề nghị bỏ Điều 9, vì không cần thiết</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý</p>

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<p>Tại Điều 10, căn cứ khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đồng thời nhằm khắc phục những khó khăn, lúng túng trong việc áp dụng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung liên quan đến giai đoạn thực hiện sau thời điểm kết thúc giai đoạn thực hiện trong thời gian qua, đề nghị bổ sung nội dung quy định cụ thể ngày, tháng, năm hết hiệu lực toàn bộ của nghị quyết; bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 4 Mục II Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý</p>
		<p>Đề nghị xây dựng mức hỗ trợ cụ thể tại dự thảo Nghị quyết hoặc thuyết minh rõ lý do xây dựng mức hỗ trợ tối đa (không xây dựng mức hỗ trợ cụ thể) trong hồ sơ dự thảo văn bản.</p>	<p>Đã bổ sung trong báo cáo thuyết minh</p>
		<p>Tại phần nơi nhận, đề nghị trình bày chính xác, đầy đủ (không viết tắt) tên cơ quan, cá nhân nhận văn bản, cụ thể: Chính phủ "<u>UB TVQH</u>", "<u>VPOH; VPCP</u>", "<u>Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp</u>", "<u>Vụ Pháp chế- BNN&PTNT</u>", "<u>TT Tỉnh ủy; HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh</u>", "<u>Các đại biểu HĐND tỉnh</u>", "<u>Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh</u>", "<u>HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố</u>", "<u>Đài PTTT tỉnh</u>"</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý</p>
		<p>2. Đối với dự thảo Tờ trình</p>	
		<p>Căn cứ mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý</p>

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị sửa nội dung “Về việc đề nghị ban hành” thành “Dự thảo”.	
		Tại Mục I, đề nghị sửa “ <i>Bộ Tài chính đã Thông tư số 53/2022/TT-BTC</i> ” thành “ <i>Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC</i> ”	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý
		Tương tự các ý kiến nêu tại khoản 1 Mục này, đề nghị chỉnh sửa nội dung bảo đảm tính thống nhất của hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý
		Để bảo đảm hồ sơ đầy đủ thông tin, đề nghị thuyết minh rõ về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành nghị quyết sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua như: Dự kiến số kinh phí nguồn ngân sách nhà nước thực hiện, trong đó làm rõ số kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương; làm rõ mức hoặc tỷ lệ phần trăm phân chia nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) thực hiện mức hỗ trợ được xây dựng tại dự thảo Nghị quyết được xác định như thế nào? các thông tin khác có liên quan đến khả năng bảo đảm của ngân sách địa phương.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thuyết minh trong dự thảo báo cáo thuyết minh của Ủy ban nhân dân tỉnh.
		3. Dự thảo Báo cáo thuyết minh	
		Tương tự các ý kiến nêu tại khoản 1 Mục này, đề nghị chỉnh sửa nội dung bảo đảm tính thống nhất của hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý
		b) Đề nghị nghiên cứu, xây dựng nội dung bảo đảm tính thống nhất của hồ sơ dự thảo Nghị quyết (Nghị quyết quy định chi tiết các nội dung được giao tại Điều 9, khoản 2 Điều 10, Điều 12, khoản 2 Điều 14, điểm a khoản 2 Điều 20, khoản 1 Điều 39 Thông tư số 53/2022/TT-BTC), cụ thể nghiên cứu lại các nội dung: - Nội dung tại điểm c khoản 1 Mục I, cụ thể:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<p>“+ Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định: Tại điểm d, khoản 2, Điều 20: “Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này”.</p> <p>Tại khoản 2, Điều 29: “Chi hỗ trợ tổ chức thực hiện đề án/kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh. Quy mô thực hiện mô hình, định mức kinh tế kỹ thuật, nội dung cụ thể của mô hình theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này”.</p> <p>Tại khoản 3, Điều 30: “Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này”.</p> <p>Tại Điều 31: “Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này”.</p> <p>Tại điểm b, khoản 2, Điều 32: “Tùy thuộc vào nội dung của từng mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ các quy định chi tiêu tài chính hiện hành để thực hiện. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này”.</p> <p>Tại điểm b, khoản 2, Điều 34: “Tùy thuộc vào nội dung của từng mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ các quy định chi tiêu tài chính hiện hành để thực hiện. Mức hỗ trợ từ</p>	

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<p>nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này”.</p> <p>- Nội dung tại điểm c khoản 6 Mục I, cụ thể: “Tại điểm c, khoản 2, Điều 40 quy định: Chi hỗ trợ thành lập mô hình và duy trì sinh hoạt mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tại cấp trung ương, đại diện vùng miền và nhân rộng mô hình tại các cấp tỉnh/thành; mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Thông tư này. Tại khoản 4, Điều 42 quy định: Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Thông tư này và tối đa không quá 30 triệu đồng/ mô hình.”</p>	
		NGÔN NGỮ VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN	
		Đánh số thứ tự dự thảo văn bản theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý
		Tại phần trình bày tên cơ quan ban hành văn bản phía dưới tên gọi của văn bản, đề nghị bỏ dấu phẩy ở nội dung “ KHÓA XII, KỶ HỌP THỨ... ”.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý
		Trình bày nội dung dự thảo văn bản bảo đảm đúng quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) như: Bỏ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		dấu chấm (.) ở cuối tên điều, ...	
4	Sở Nội vụ (Công văn 2334/SNV-VP ngày 31/10/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
5	Sở Y tế (Công văn số 3804/SYT-KHTC ngày 01/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
6	Sở Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 2932/SGDDĐT-KHTC ngày 02/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
7	Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch (Công văn số 2362/SVHTTDL-VL ngày 02/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
8	Ban Quản lý khu kinh tế (Công văn số 981/BQLKKT-QHHTTNMT ngày 02/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
9	Sở Giao thông Vận tải (Công văn số 2421/SGTVT-QLKCHTGT ngày 02/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
10	Sở Công thương (Công văn số 1822/SCT-VP ngày 03/11/2022):	Thống nhất với nội dung và bố cục các dự thảo	
11	Sở Xây dựng (Công văn số 2328/SXD-QLXD ngày 04/11/2022):	Dự thảo không thuộc chuyên ngành quản lý của Sở Xây dựng nên không có ý kiến tham gia góp ý.	
12	Sở Thông tin và Truyền Thông (Công văn số 1712/STTTT-BCVT ngày 04/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
13	Sở Ngoại vụ (Công văn số 1191/SNgV-VP ngày 04/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
14	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (Công văn số 6194/BCH-VP ngày 08/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
15	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Gia Lai (Công văn số 910/GLA-THNS&KSNB ngày 04/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
16	Ban Dân tộc (Công văn số 1247/BDT-CSKH ngày 7/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
17	Tinh đoàn (Công văn số 47-CV/TĐTN-BPT ngày 8/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
18	Sở Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 4726/STNMT-CCBVM ngày 08/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
19	Hội Nông dân tỉnh (Công văn số 2393/CV-HND ngày 31/10/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
20	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (Công văn số 1813/MTTQ-BTT ngày 8/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
21	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh (Công văn số 584/BCH-GĐXHKT ngày 8/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
22	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Công văn số 2126/SLĐTBXH-CSXH ngày 10/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
23	Liên minh Hợp tác xã tỉnh (Công văn số 280/LMHTX-KTCS ngày 7/11/2022):	Thống nhất với nội dung các dự thảo	
24	Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh:	Không có văn bản góp ý	
25	Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Gia Lai:	Không có văn bản góp ý	
26	Kho bạc Nhà nước:	Không có văn bản góp ý	
27	Sở Khoa học và Công nghệ:	Không có văn bản góp ý	
28	Hội Cựu Chiến binh tỉnh:	Không có văn bản góp ý	
29	Công an tỉnh:	Không có văn bản góp ý	
30	Cục Thống kê tỉnh:	Không có văn bản góp ý	
31	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:	Không có văn bản góp ý.	
III	Các huyện, thị xã, thành phố: Có 17 địa phương được gửi văn bản lấy ý kiến		

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
1	Thị xã Ayun Pa (Công văn số 4039/UBND-TH ngày 04/11/2022)	Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 70%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện mô hình theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Theo Nghị quyết 21/2022/NQ-HĐND ngày 8/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai: Các xã thuộc Đối tượng 3: Các xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10% dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì nội dung Công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải mức hỗ trợ: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 70%, và ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) hỗ trợ 20%. Vậy UBND thị xã đề xuất mức hỗ trợ ngân sách địa phương về nội dung hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn là 20%	Nội dung quy định trong Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND để quy định mức hỗ trợ đối với vốn ĐTPT để triển khai thực hiện các công trình đầu tư trên địa bàn xã, có quy mô lớn và phục vụ cộng đồng nên đề xuất tỷ lệ huy động đóng góp của nhân dân là 10%. Còn mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết là hỗ trợ từ vốn sự nghiệp, quy mô nhỏ cấp hộ gia đình, cấp thôn mang tính chất riêng lẻ. Mức hỗ trợ 80% cho các hộ là hợp lý, chủ thể hộ gia đình được hỗ trợ phải bỏ ra kinh phí đối ứng 20% . Vì vậy không thể áp dụng chung mức hỗ trợ như quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND.
2	Huyện Chư Prông (Công văn số 2350/UBND-NL ngày 7/11/2022)	Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng tại điều 2 “các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ chương trình	Tại khoản 2, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết đã quy định các đối tượng áp dụng là “ <i>Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình</i> ” đã bao gồm tất cả các đối tượng địa phương nêu trên, nên không cần liệt kê chi tiết vào dự thảo Nghị quyết.
3	Huyện Ia Grai (Công văn số 1842/UBND-NL ngày 8/11/2022)	Tại Điều 5. Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại: “Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê	Tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định “ <i>Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i> ”. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất ngân sách địa phương hỗ trợ thêm 10% nữa là 60% tổng

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<p>duyet trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”. Đề nghị điều chỉnh: “Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 20% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”; lý do: Hiện nay, các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại trên địa bàn huyện còn ít và quy mô nhỏ; vốn đầu tư các dự án cao nên người dân chưa mạnh dạn triển khai thực hiện. Do vậy, nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia dự án và mở rộng quy mô thực hiện, đề nghị tăng mức hỗ trợ ngân sách địa phương lên 20%</p>	<p>kinh phí thực hiện dự án. Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương 10% để hỗ trợ thực hiện các dự án đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào mức đối ứng bình quân của ngân sách tỉnh thực hiện các Chương trình MTQG và được đa số các đại phương đồng ý. Bên cạnh đó, các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ để thực hiện các dự án cơ giới hóa, công nghệ cao cũng cần phải có tiềm lực kinh tế cơ bản để đầu tư kinh phí thực hiện mô hình mới đảm bảo hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.</p>
4	<p>Huyện Mang Yang (Công văn số 1989/UBND-NTM ngày 9/11/2022)</p>	<p>Điều 3. Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn. Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 70%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện mô hình theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Xin góp ý: Ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 20% kinh phí thực hiện mô hình theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao đối với các xã đặc biệt khó khăn, các xã còn lại 10%</p> <p>Điều 5. Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân</p>	<p>Tại khoản 1 điều 5 của Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg quy định tiêu chí, hệ số phân bổ cho ngân sách Trung ương giai đoạn 2022-2025 quy định số xã được phân bổ kinh phí tính đến cuối năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn. Theo đó, các xã đặc biệt khó khăn không nằm trong phạm vi hỗ trợ của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 nên không cần quy định riêng mức hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn.</p> <p>Tại khoản 1 điều 5 của Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg quy định tiêu chí, hệ số phân bổ cho ngân sách Trung ương giai đoạn 2022-2025 quy định số xã</p>

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<p>sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 10% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.</p> <p><i>Đề nghị điều chỉnh:</i> Ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) hỗ trợ tối đa 30% kinh phí thực hiện các mô hình cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại theo dự án được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao cho các đặc biệt khó khăn, các xã còn lại hỗ trợ tối đa 20%. Vì các xã vùng III hiện nay rất khó khăn</p>	<p>được phân bổ kinh phí tính đến cuối năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn. Theo đó, các xã đặc biệt khó khăn không nằm trong phạm vi hỗ trợ của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 nên không cần quy định riêng mức hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn.</p> <p>Tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định “<i>Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>”. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất ngân sách địa phương hỗ trợ thêm 10% nữa là 60% tổng kinh phí thực hiện dự án.</p> <p>Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương 10% để hỗ trợ thực hiện các dự án đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào mức đối ứng bình quân của ngân sách tỉnh thực hiện các Chương trình MTQG và được đa số các đại phương đồng ý.</p> <p>Bên cạnh đó, các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ để thực hiện các dự án cơ giới hóa, công nghệ cao cũng cần phải có tiềm lực kinh tế cơ bản để đầu tư kinh phí thực hiện mô hình mới đảm bảo hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.</p>
5	Thành phố Pleiku (Công văn số 3722/UBND-KT ngày 05/11/2022):	Tổng nhất các nội dung theo dự thảo.	
6	Huyện Kbang (Công văn số 1550/UBND-KT ngày 02/11/2022):	Tổng nhất các nội dung theo dự thảo.	
7	Huyện Kông Chro (Công văn số 2057/UBND-NTM ngày 07/11/2022):	Tổng nhất các nội dung theo dự thảo.	

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
8	Huyện Đak Pơ (Công văn số 2011/UBND-NNPTNT ngày 8/11/2022):	Thống nhất các nội dung theo dự thảo.	
9	Huyện Ia Pa (Công văn số 1692/UBND-NN ngày 8/11/2022):	Thống nhất các nội dung theo dự thảo.	
10	Huyện Chư Pưh (Công văn số 1418/UBND-NN ngày 8/11/2022):	Thống nhất các nội dung theo dự thảo.	
11	Thị xã An Khê (Công văn số 2001/UBND-KT ngày 9/11/2022):	Thống nhất các nội dung theo dự thảo.	
12	Huyện Đức Cơ (Công văn số 2273/UBND-KT ngày 9/11/2022):	Thống nhất các nội dung theo dự thảo.	
13	Huyện Chư Sê (Công văn số 2005/UBND-NL ngày 10/11/2022):	Thống nhất các nội dung theo dự thảo.	
14	Huyện Phú Thiện (Công văn số 1992/UBND-TH ngày 10/11/2022):	Thống nhất các nội dung theo dự thảo.	
15	Huyện Krông Pa:	Không có văn bản góp ý	
16	Huyện Đak Đoa:	Không có văn bản góp ý.	
17	Huyện Chư Păh:	Không có văn bản góp ý.	
III	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, điều chỉnh vào dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.		
	<p>a) Tại Điều 4</p> <p>- Đề nghị xây dựng nội dung bảo đảm tính thống nhất giữa tên điều và nội dung cụ thể; nội dung rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.</p> <p>Theo đó, đề nghị chỉnh sửa nội dung “<i>Mức hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức</i>” tại Điều 1 bảo đảm chính xác, thống nhất.</p> <p>- Tại khoản 2, đề nghị làm rõ các hình thức truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh (ngoài truy xuất nguồn gốc điện tử thì còn hình thức khác hay không?); xây dựng nội dung bảo đảm đầy đủ mức hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh: Các hình thức truy xuất nguồn gốc</p>		

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh gồm xuất xuất nguồn gốc giấy và truy xuất nguồn gốc điện tử. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã điều chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết.	
		<p>b) Tại Điều 6</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị bố cục nội dung thành hai khoản tương ứng với 2 đoạn. - Tại đoạn thứ nhất, nhằm bảo đảm thống nhất với tên điều, đề nghị sửa như sau “<i>Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ điều tra, xây dựng dự án để duy trì các hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghề nhân hoạt động “trình diễn” tại các làng nghề đang bị mai một và có khả năng mất đi nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục vụ nhu cầu du lịch, văn hóa.</i>” <p>c) Tại Điều 8, nhằm bảo đảm thống nhất với tên điều, đề nghị bổ sung nội dung “<i>nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động</i>” sau nội dung “<i>kinh phí xây dựng các mô hình</i>”.</p> <p>d) Tại phần nơi nhận, đề nghị bỏ cơ quan nhận văn bản là “<i>Hội đồng nhân dân tỉnh</i>”; sửa “<i>Đoàn Đại biểu Quốc hội & Hội đồng nhân dân tỉnh</i>” thành “<i>Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh</i>”.</p>	
		<p>Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản như:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh số thứ tự của dự thảo văn bản đúng quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. 2. Bố cục các gạch đầu dòng tại Điều 1 thành các khoản (<i>Số thứ tự các khoản trong mỗi mục dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.), cỡ chữ số bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng; nếu khoản có tiêu đề, số thứ tự và tên của khoản được trình bày trên một dòng riêng, bằng chữ in thường, cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng</i>); ... 	
	UBND tỉnh	Đề nghị thuyết minh rõ lý do xây dựng mức hỗ trợ tối đa (không xây dựng mức hỗ trợ cụ thể) trong hồ sơ dự thảo văn bản: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã giải trình trong dự thảo báo cáo thuyết minh của	